

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 23/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Võ Trần Duy Hinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Hiền Văn Ôn.

Ông: BHát Châu.

-Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Ông: Võ Cao Linh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Thị C; tên gọi khác: M; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1984; nơi sinh tại huyện L, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú tại Tổ 1, thôn P1, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942; bị cáo có chồng (đã chết) và 03 (ba) con (con lớn nhất sinh năm 2006 và con nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 26/9/2012 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc”, xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, ngày 30/9/2013, bị cáo chấp hành xong hình phạt này; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14 tháng 6 năm 2020. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Thanh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 6, thôn M2, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ông Hồ Sỹ S, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 5, thôn M2, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 1, thôn D, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 1, thôn D, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942; nơi cư trú: Tổ 1, thôn P1, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị N có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt.

Người chứng kiến:

Ông Ngô Ngọc C, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 1, thôn M2, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Ông Bờ Nướch C, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 1, thôn P1, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 14/6/2020 tại khu vực trước cổng Bưu điện N (thuộc thôn M2, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam), Tổ công tác của Công an huyện N thực hiện nhiệm vụ tuần tra, phát hiện một người phụ nữ đang dừng xe trước cổng Bưu điện và một người đàn ông đang đi bộ tới người phụ nữ, cả hai đều có biểu hiện nghi vấn giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Xác định người phụ nữ là Ngô Thị C, sinh năm 1984 và người đàn ông là Trần Thanh T, sinh năm 1991. Tiến hành kiểm tra Trần Thanh T tổ công tác phát hiện trong túi quần sọt phía sau bên phải T đang mặc có một gói nilong màu trắng (một mặt được quấn bằng băng keo màu đen), tiến hành mở gói nilong bên trong có chứa các cục tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy đá, phát hiện trong túi quần sọt phía trước bên trái T đang mặc có 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Vtel đã qua sử dụng. Tiến hành kiểm tra đối với Ngô Thị C phát hiện trong túi quần Jean C đang mặc có tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.000.000 đồng (một triệu) đồng, 02(hai) card điện thoại Viettel có mệnh giá mỗi loại 50.000 (năm mươi nghìn) đồng, tiếp tục kiểm tra phát hiện trong túi quần phía trước bên trái của C đang mặc có 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng. Tiếp tục thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Ngô Thị C thuộc thôn P1, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Tại đây, Ngô Thị C tự nguyện giao nộp 01(một) gói màu đen, mở lớp băng keo màu đen ra bên trong là một túi nilong màu trắng, bên trong có chứa cục tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy đá.

Qua điều tra Ngô Thị C khai nhận: Ngô Thị C bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 3 năm 2020, loại ma túy sử dụng là ma túy đá, hình thức sử dụng là hút. Để có ma túy sử dụng, vào ngày 12/06/2020, C đến khu vực Ô, thành phố Đà Nẵng và mua ma túy của một người đàn ông lạ mặt (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng, cất giấu vào người và điều khiển xe về nhà tại thị trấn M, huyện N, mục đích để sử dụng cho bản thân và bán lại cho

các con nghiện. Khoảng 23 giờ 00 ngày 13/6/2020, có người đàn ông tên T điện thoại hỏi C có ma túy đá không bán cho T. C đồng ý và hẹn T ở Bưu điện. Khoảng một tiếng sau, C điều khiển xe máy biển kiểm soát BKS 43S7 – 4530 đến trước cổng Bưu điện và bán cho T 01(một) gói ma túy đá với số tiền là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, sau khi C giao ma túy cho T và nhận tiền thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ người và tang vật. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận bán ma túy cho nhiều người khác: Bán ma túy cho Trần Thanh T 02 (hai) lần (Lần một vào ngày 12/6/2020 bị cáo bán cho T một gói ma túy với số tiền là 130.000 đồng, lần hai vào khoảng gần 00 giờ 30 ngày 14/6/2020, bán cho T một gói ma túy với số tiền là 400.000 đồng và bị lực lượng Công an bắt quả tang); bán ma túy cho Hồ Sỹ S 01 (một) lần với số tiền 300.000 đồng, thời gian cách khoảng năm ngày trước ngày bị cáo bị bắt; bán ma túy cho Trương Công V 01 (một) lần với số tiền là 300.000 đồng; bán ma túy cho đối tượng tên T1 01 (một) lần với số tiền là 300.000 đồng.

Ông Trần Thanh T, ông Hồ Sỹ S thừa nhận đã mua ma túy của bị cáo Ngô Thị C đúng như lời khai của bị cáo. Đối với Trương Công V và người đàn ông có tên là T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra (sau đây viết tắt là CSĐT) tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch nhưng không rõ những đối tượng này hiện nay đang ở đâu.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01(Một) phong bì màu trắng, hình chữ nhật, bên trong có chứa tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng. Ký hiệu “A”. Thu giữ của Ngô Thị C. Niêm phong có chữ ký của những người có liên quan.

- 01(Một) phong bì màu trắng, hình chữ nhật, bên trong có chứa tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng.

- 02(Hai) Card điện thoại di động loại Viettel (mệnh giá mỗi loại 50.000 đồng). Ký hiệu “B”. Thu giữ của Ngô Thị C. Niêm phong có chữ ký của những người có liên quan.

- 01(Một) phong bì màu trắng, hình chữ nhật bên trong có chứa 01(một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng kèm sim không rõ số. Ký hiệu “D”. Thu giữ của Ngô Thị C. Niêm phong có chữ ký của những người có liên quan.

- 01(Một) phong bì màu trắng, hình chữ nhật bên trong có chứa 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Vtel, đã qua sử dụng kèm sim không rõ số. Thu giữ của Trần Thanh T. Niêm phong có chữ ký của những người có liên quan.

- 01(Một) chiếc xe máy BKS 43S7 – 4530, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius.

- 01(Một) gói màu đen, mở lớp băng keo màu đen ra bên trong là một túi nilong màu trắng, bên trong có chứa cục tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy đá) thu giữ tại nhà Ngô Thị C, ký hiệu là “1”.

- 01 (Một) một gói nilong màu trắng (một mặt được quấn bằng băng keo màu đen), bên trong có chứa các cục tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy đá) thu giữ của Trần Thanh T, ký hiệu là “2”.

Căn cứ Kết luận giám định số 78/PC09C, ngày 22/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định (kí hiệu “A1”, “A2”) là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu kí hiệu “A1” gửi giám định có khối lượng mẫu 4,241g; mẫu kí hiệu “A2” gửi giám định có khối lượng mẫu 0,038g. Hoàn lại đối tượng sau giám định là 3,189g mẫu ký hiệu “A1” và toàn bộ bao gói mẫu vật sau giám định, mẫu kí hiệu A2 đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Cơ quan CSĐT công an huyện Nam Giang truy nguyên xác định xe mô tô biển kiểm soát 43S7 – 4530, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Surius, màu đỏ đen, có số khung 002829, số máy 002829 là của vợ chồng ông Hoàng Văn K và bà Ngô Thị Thu H cùng cư trú tại Tổ 1, thôn D, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam (xe này do bà Bùi Thị P, cư trú tại Tổ 72P, phường H, quận C, Thành phố Đà Nẵng đứng tên chủ sở hữu, bà P khai đã bán chiếc xe trên cách đây hơn 10 (mười) năm). Bị cáo C khai đã mượn chiếc xe trên của vợ chồng ông K và bà H, việc bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc bán trái phép chất ma túy vợ chồng ông K, bà H không biết nên Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 43S7 – 4530, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Surius, màu đỏ đen, có số khung 002829, số máy 002829 cho ông Hoàng Văn K và bà Ngô Thị Thu H theo Quyết định xử lý vật chứng số 05 ngày 08/9/2020.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã bán ma túy cho Trần Thanh T 02 (hai) lần, lần 01 (một) bán 01 (một) gói với giá 130.000 (một trăm ba mươi nghìn) đồng, lần 02 (hai) bán 01 (một) gói với giá 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng; bán ma túy cho Hồ Sỹ S 01 (một) lần 01 (một) gói với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; bán ma túy cho Trương Công V 01 (một) lần 01 (một) gói với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; bán ma túy cho đối tượng tên T1 01 (một) lần 01 (một) gói với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Ngô Thị C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015). Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định lại hành vi của bị cáo Ngô Thị C có 05 (năm) lần bán ma túy trái phép; trong đó, bị cáo tự thú 04 (bốn) lần bán ma túy cho Trần Thanh T, Hồ Sỹ S, Trương Công V cùng đối tượng tên T1 và 01 (một) lần bán ma túy cho Trần Thanh T bị bắt vào ngày 14 tháng 6 năm 2020. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Ngô Thị C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bên cạnh đó, bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo không có tài sản gì, hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị cáo đã chết, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi mẹ già và ba con nhỏ, bị cáo có

cậu ruột là liệt sĩ, bản thân bị cáo có bệnh tật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTổ tụng hình sự năm 2015:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy còn lại sau giám định;

Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 830.000 (tám trăm ba mươi nghìn) đồng, đây là số tiền C đã bán ma túy cho Trần Thanh T và Hồ Sỹ S. Đối với những lần bán ma túy cho người đàn ông tên T1 và Trương Công V do chưa xác minh được những đối tượng này nên không có cơ sở để truy thu.

01(một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của Ngô Thị C và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Vtel, đã qua sử dụng của Trần Thanh T, đây là phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi mua bán ma túy nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với hai sim điện thoại của hai điện thoại trên, qua lời khai của bị cáo và của Trần Thanh T thì đây là sim rác nên không nhớ số điện thoại, khi tiến hành kiểm tra thì hai điện thoại không thể khởi động nguồn nên không biết được số điện thoại của hai sim này nên tiến hành lắp sim vào lại điện thoại và niêm phong theo quy định, do đó đề nghị tiêu hủy hai sim điện thoại trên;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng và 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng của Ngô Thị C để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị trả lại cho bị cáo 02 (hai) Card điện thoại di động loại Viettel (mệnh giá mỗi loại 50.000 đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với chiếc xe máy BKS 43S7 – 4530: Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang trả lại chiếc xe máy BKS 43S7 – 4530 cho ông K và bà H là chủ sở hữu hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, Kiểm sát viên nêu ý kiến về các vấn đề khác liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên (sau đây viết tắt là KSV) về hướng xử lý những vấn đề liên quan.

Bị cáo không bào chữa và lời nói sau cùng của bị cáo chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, Kiểm sát viên (sau đây viết tắt là KSV) trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị cáo và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo: HĐXX thấy rằng theo Điều 3 Luật phòng chống ma túy năm 2000 được bổ sung năm 2008 nghiêm cấm các hành vi trái phép về chất ma túy và theo Nghị Định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, là chất ma túy được dùng hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, vì muốn có tiền lời, bị cáo Ngô Thị C đã mua ma túy trái phép rồi phân ra để sử dụng và bán cho người nghiện; ngày 14/6/2020, khi bị cáo Cúc đang bán ma túy cho Trần Thanh T với giá 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tại Bưu điện huyện N thì bị Cơ quan CSĐT công an huyện Nam Giang phát hiện và bắt giữ người cùng tang vật. Ngô Thị C khai nhận số ma túy bị thu giữ là để sử dụng cho bản thân và bán cho các đối tượng nghiện. Ngoài ra, bị cáo C còn khai nhận trước đó có bán cho Trần Thanh T 01 (một) lần 01 (một) gói với giá 130.000 (một trăm ba mươi nghìn) đồng; bán cho Hồ Sỹ S 01 (một) lần 01 (một) gói với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; bán cho Trương Công V 01 (một) lần 01 (một) gói với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; bán cho đối tượng tên T1 01 (một) lần 01 (một) gói với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Như vậy, bị cáo Ngô Thị C có hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy. Tại bản Kết luận giám định số 78/PC09C, ngày 22/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định (kí hiệu “A1”, “A2”) là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu kí hiệu “A1” gửi giám định có khối lượng mẫu 4,241g; mẫu kí hiệu “A2” gửi giám định có khối lượng mẫu 0,038g. Vì vậy, HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 2015 như cáo trạng truy tố và luận tội của KSV là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra thì thấy: Ma túy là chất độc gây nghiện nên nhà nước độc quyền quản lý. Bị cáo Ngô Thị C đã có hành vi 05 (năm) lần bán trái phép chất ma túy cho Trần Thanh T, Hồ Sỹ S, Trương Công V và người đàn ông có tên T1. Hành vi của bị cáo là liều lĩnh và rất nghiêm trọng. Bị cáo biết nhà nước nghiêm cấm ma túy nhưng vì mục đích sử dụng, bán kiếm lời và ý thức xem thường pháp luật mà bị cáo vẫn mua ma túy để bán trái phép cho người khác.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 26/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, ngày 30/9/2013 bị cáo chấp hành xong hình phạt này.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, dù chưa bị phát hiện nhưng đã tự thú những lần bán trái phép chất ma túy cho Trần Thanh T, Hồ Sỹ S, Trương Công V và người đàn ông có tên T1. Ngoài ra, bị cáo không có tài sản gì, hoàn cảnh gia

đình khó khăn, chồng bị cáo đã chết, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 03 (ba) con còn nhỏ và mẹ già; bị cáo có cậu ruột Nguyễn Văn X là Liệt sĩ; bản thân bị cáo sức khỏe không tốt do còn di chứng của phẫu thuật. Do đó, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 như đề nghị của KSV là phù hợp.

[5] Xét về trách nhiệm hình sự do hành vi của bị cáo gây ra, HĐXX thấy: Phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 nên HĐXX áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 2015 như đề nghị của KSV là phù hợp.

[6] Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của BLHS năm 2015 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có tài sản, bị cáo là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định. Vì vậy, HĐXX thống nhất đề nghị của KSV không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, không tịch thu tài sản cũng không áp dụng các loại hình phạt bổ sung khác với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của BLHS năm 2015 và Điều 106 của BLTTHS:

Đối với 3,189 gam Methamphetamine còn lại sau giám định, là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy và toàn bộ bao gói mẫu.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của Ngô Thị C và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vtel, đã qua sử dụng của Trần Thanh T là phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi mua bán ma túy và số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng do Ngô Thị C bán ma túy cho Trần Thanh T có được như đề nghị của KSV là phù hợp.

Đối với sim điện thoại không rõ số nằm trong điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO của Ngô Thị C và sim điện thoại không rõ số nằm trong điện thoại di động nhãn hiệu Vtel của Trần Thanh T là phương tiện để bị cáo và Trần Thanh T liên lạc để mua bán trái phép chất ma túy; qua lời khai của bị cáo và của Trần Thanh T thì đây là sim rác nên không nhớ số điện thoại, khi tiến hành kiểm tra thì hai điện thoại không thể khởi động nguồn nên không biết được số điện thoại của hai sim này nên tiến hành lắp sim vào lại điện thoại và niêm phong theo quy định. Do đó, tịch thu tiêu hủy như đề nghị của KSV là phù hợp.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 430.000 (bốn trăm ba mươi nghìn) đồng do bị cáo bán ma túy cho ông T và ông S mà có; đối với những lần bị cáo bán ma túy cho ông Trần Công V và người đàn ông tên T1 do chưa xác minh được những đối tượng này nên không có cơ sở để truy thu; đối với số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng là số tiền riêng của bị cáo C không liên quan đến vụ án, tuy nhiên, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án như đề nghị của KSV.

Đối với 02 (hai) Card điện thoại di động loại Viettel (mệnh giá mỗi loại 50.000 đồng) thu giữ của bị cáo Ngô Thị C, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo như đề nghị của KSV là hợp lý.

[8] Những vấn đề liên quan đến vụ án, HĐXX xét thấy:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo C: Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ của người đàn ông này nên HĐXX không có cơ sở xem xét xử lý.

Đối với ông Hồ Sỹ S và ông Trần Thanh T: Đã bị Công an huyện Nam Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên HĐXX không xử lý thêm.

Đối với ông Trương Công V và người đàn ông có tên là T1: Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch nhưng không rõ những đối tượng này hiện nay đang ở đâu và KSV không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Đối với bà Ngô Thị N: Là mẹ ruột và chủ nhà nơi bị cáo C cất giấu ma túy. Bà N không biết việc C cất giấu ma túy trong nhà nên HĐXX không xử lý như đề nghị của KSV là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với ông Ngô Phi D là anh ruột bị cáo C và ở cùng nhà với bị cáo: Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không rõ ông D hiện nay đang ở đâu, đồng thời C khai nhận ông D không biết việc C thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và cất giấu ma túy trong nhà nên HĐXX không xử lý như đề nghị của KSV.

Đối với ông Hoàng Văn K và bà Ngô Thị Thu H, là chủ sở hữu của xe mô tô biển kiểm soát 43S7 – 4530, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Surius: Việc bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện để bán ma túy trái phép, vợ chồng ông K, bà H không biết và Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang đã trả lại xe này cho vợ chồng ông K, bà H nên HĐXX không xem xét.

[9] Xét về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị C phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 14 tháng 6 năm 2020.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của BLHS năm 2015 và Điều 106 của BLTTHS:

+Tịch thu tiêu hủy 3,189 gam Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số hiệu 78/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam và bao gói mẫu;

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của Ngô Thị C và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Vtel, đã qua sử dụng của Trần Thanh T.

+ Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại không rõ số nằm trong điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO của Ngô Thị C và sim điện thoại không rõ số nằm trong điện thoại di động nhãn hiệu Vtel của Trần Thanh T.

+Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng do phạm tội bán ma túy mà có.

+ Truy thu số tiền 430.000 (bốn trăm ba mươi nghìn) đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy mà có.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo 02 (hai) Card điện thoại di động loại Viettel (mệnh giá mỗi loại 50.000 đồng).

(Vật chứng đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam chuyển giao đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tại Quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKS ngày 23/10/2020 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2020).

3. Án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Thị C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp Quảng Nam
- (Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Trần Duy Hình